

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới đặc thù (không có đơn vị hành chính cấp xã) giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Kèm theo Công văn số /BTNMT-KSONMT ngày tháng năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Bám sát yêu cầu, nội dung tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025¹, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của nội dung môi trường trong Bộ tiêu chí quốc gia từ cấp xã đến cấp huyện và theo các mức độ đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

3. Dẫn chiếu đến các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn kỹ thuật, các văn bản chỉ đạo điều hành đã được ban hành để triển khai thực hiện.

4. Làm cơ sở để tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện đối với các nội dung, tiêu chí về Môi trường; tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm; tiêu chí Chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025; tiêu chí về Môi trường và an toàn thực phẩm đô thị đối với phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; tiêu chí về Môi trường đô thị đối với quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh² trong xây dựng nông thôn mới (phần nội dung thuộc trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo thẩm quyền và được Ban Chỉ đạo phân công).

5. Trên cơ sở triển khai thực hiện tại các địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tổng hợp, đánh giá để tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

¹ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

² Được ban hành tại Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

Phần II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

2.1. Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025³

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	≥45%	≥30%	≥55%	≥45%	≥45%	≥30%	≥55%	≥45%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			UBND cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có)								
		Xã khu vực III ⁴	≥45%	≥20%	≥55%	≥35%	≥35%	≥20%	≥55%	≥45%	
			UBND cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có)								

³ Theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

⁴ Xã khu vực III là xã đặc biệt khó khăn theo tiêu chí xác định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
			Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥95%	≥90%	100%	≥95%	≥95%	≥90%	100%	≥95%	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2m ² / người	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố chỉ tiêu cụ thể							Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							Bộ Xây dựng; Bộ Y tế		
17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥80%	≥70%	≥90%	≥75%	≥75%	≥70%	≥90%	≥85%	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Bộ Tài nguyên và Môi trường	

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
			Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ⁵	≥85%	≥70%	≥90%	≥85%	≥85%	≥70%	≥90%	≥70%	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn nội dung “đảm bảo 3 sạch” (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	
17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥70%	≥60%	≥80%	≥70%	≥75%	≥60%	≥80%	≥70%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	≥30%	≥30%	≥30%	≥30%	≥30%	≥30%	≥30%	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥50%	≥30%	≥65%	≥50%	≥50%	≥30%	≥65%	≥50%	Bộ Tài nguyên và Môi trường	

⁵Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

2.2. Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao hướng dẫn

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
Môi trường và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (BVMT)	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - “<i>Cơ sở sản xuất, kinh doanh</i> (bao gồm cơ sở nuôi trồng thủy sản) là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh”⁶. - “<i>Làng nghề</i> là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn”⁷. <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>(1) <i>Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch⁸. - Có Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); cam kết BVMT, kế hoạch BVMT, Đề án BVMT được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có Báo cáo ĐTM; Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận theo quy định⁹. 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê: (1) số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (<u>về cầu bắt buộc đạt 100%</u>); (2) cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (<i>không bao gồm cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</i> 	<p>1. Hồ sơ minh chứng đối với mục (1) và (2)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản (địa chỉ, loại hình/quy mô sản xuất). - Quyết định phê duyệt hồ sơ môi trường (nếu có). - Các hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện công tác BVMT của cơ sở (nếu có).

⁶ Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 (Điều 3).

⁷ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 3).

⁸ Luật BVMT 2020 quy định: “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch...” (điểm a khoản 1 Điều 58); Luật Quy hoạch 2017 và các văn bản liên quan.

⁹ Luật BVMT 2020 quy định về Báo cáo ĐTM, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường (tại Điều 30, 31, 39, 49, 171); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (tại Điều 25, 31, 32...).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> - Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định¹⁰. - Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH) được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định¹¹. - Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định¹². - Quản lý bụi, khí thải theo quy định¹³. - Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật BVMT về thuế, phí, lệ phí. - Ngoài ra, đối với các cơ sở nuôi trồng thủy sản cần đáp ứng: <ul style="list-style-type: none"> + Quy định về quản lý nhà nước hoạt động thủy sản¹⁴. + Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định¹⁵. + Đáp ứng yêu cầu theo các quy định về điều kiện nuôi thủy sản như: QCVN 02-22:2015/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và BVMT; QCVN 02-19:2014/BNNPTNT - Quy chuẩn 	<p><i>tập trung là khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế) và trong cụm công nghiệp; (3) số lượng làng nghề được công nhận (bao gồm các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong làng nghề).</i></p> <p>- Không thống kê số lượng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp (được đưa vào đánh giá ở cấp huyện). Không thống kê các làng</p> <p>2. Hồ sơ minh chứng đối với mục (3)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản công nhận làng nghề. - Văn bản phê duyệt phương án BVMT làng nghề. - Có/không có hạ tầng BVMT. - Có/không có tổ chức tự quản BVMT làng nghề. - Hồ sơ hạ tầng BVMT.

¹⁰ Luật BVMT 2020 yêu cầu về BVMT đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (khoản 3 Điều 40, Điều 53).

¹¹ Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải (khoản 1, 4 Điều 72); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (tại Điều 56, 57, 65, 66, 67, 71, 72...).

¹² Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải và nước thải (khoản 2, 7 Điều 72 và khoản 2, 3 Điều 86).

¹³ Luật BVMT 2020 (Điều 53, khoản 3 Điều 72, 88, 112...); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58);

¹⁴ Luật Thủy sản 2017 (Điều 38, 41).

¹⁵ Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ NN&PTNT ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá
		<p>kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, BVMT và an toàn thực phẩm; QCVN 01-80:2011/BNNPTNT - Cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - Điều kiện vệ sinh thú y¹⁶...</p> <p>(2) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường¹⁷:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch (nếu có)¹⁸. - Có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định¹⁹. - CTR, CTNH được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định²⁰. - Nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định²¹. - Quản lý bụi, khí thải theo quy định²². - Thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật BVMT về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 	<p>ngành không có quyết định công nhận của UBND cấp tỉnh (có thống kê các cơ sở nằm trên địa bàn các khu vực này vào nhóm (1) hoặc nhóm (2)).</p> <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT (%) = Số cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về</p>

¹⁶ Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/4/2015 của Bộ NN&PTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản; Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ NN&PTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.

¹⁷ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Phụ lục 16).

¹⁸ Luật BVMT 2020 quy định: “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, chế biến phải phù hợp với quy hoạch...” (điểm a khoản 1 Điều 58); Luật Quy hoạch 2017 và các văn bản liên quan.

¹⁹ Luật BVMT 2020 yêu cầu về BVMT đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (khoản 3 Điều 40, Điều 53).

²⁰ Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải (khoản 1, 4 Điều 72); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (tại Điều 56, 57, 65, 66, 67, 71, 72...).

²¹ Luật BVMT 2020 về yêu cầu quản lý chất thải và nước thải (khoản 2, 7 Điều 72 và khoản 2, 3 Điều 86).

²² Luật BVMT 2020 (Điều 53, khoản 3 Điều 72, 88, 112...); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>(3) Đối với làng nghề <u>được công nhận</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Quyết định công nhận làng nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt²³. - Có phương án BVMT làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt²⁴. - Có tổ chức tự quản về BVMT²⁵. - Có hạ tầng về BVMT làng nghề²⁶, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề. + Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT. + Có điểm tập kết CTR đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT; khu xử lý CTR (nếu có) bảo đảm quy định về quản lý CTR hoặc có phương án vận chuyển CTR đến khu xử lý CTR nằm ngoài địa bàn. + Các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT. Công trình BVMT của cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định²⁷; + Cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến 	<p>BVMT/Tổng số cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề trên địa bàn x 100% (Tỷ lệ % và số lượng cụ thể).</p>	

²³ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 25); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 13 Điều 168).

²⁴ Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 2, 3 Điều 33).

²⁵ Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 4 Điều 33).

²⁶ Luật BVMT 2020 (Khoản 1 Điều 56).

²⁷ Luật BVMT 2020 (Khoản 2 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 34).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		khích phát triển tại làng nghề có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật BVMT năm 2020 và tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành, nghề sản xuất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ²⁸ .		
	17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - “<i>Khu dân cư</i>” là nơi người dân, hộ gia đình cư trú tập trung trong phạm vi một khu vực nhất định, là tên gọi chung của thôn, làng, bản, ấp, buôn, phum, sóc, khóm, tổ dân phố, khu phố và đơn vị dân cư tương đương.²⁹ - <i>Cảnh quan không gian xanh</i>: Đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng trồng cây xanh, cây bóng mát (<i>chi tiết đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại chỉ tiêu số 17.4</i>). - <i>Cảnh quan không gian sạch</i>: Đường trục thôn, liên thôn được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý³⁰; kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung và rác thải dưới kênh mương thoát nước. - <i>Cảnh quan không gian đẹp</i>: Đường trục thôn, liên thôn được trồng hoa hoặc cây cảnh; hộ gia đình thực hiện chỉnh trang nhà ở, cải tạo vườn tạp, không để chất thải rắn, nước thải ứ đọng trong khuôn viên hộ gia đình. 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số km đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ... và được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý. - Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ. - Diện tích trồng cây xanh $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$. - $\geq 70\%$ số hộ gia đình 	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản về quy hoạch có liên quan. - Quy ước, hương ước có nội dung về BVMT (nếu có). - Quy định/quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng; kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ. - Báo cáo kết quả thực hiện, bao gồm số liệu chi tiết. - Hình ảnh minh họa kèm theo.

²⁸ Luật BVMT 2020 (Khoản 2, Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 35).

²⁹ Thông tư 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 về việc quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự (Khoản 1, Điều 2).

³⁰ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 59).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>- <i>An toàn</i>: Hệ thống thoát nước được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân theo quy định³¹; khu vực, công trình công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn thương tích cần được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ³².</p> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>Có phương án và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong quy ước, hương ước, cụ thể:</p> <p><i>(1) Đối với hệ thống cây xanh</i></p> <p>Đầu tư, hoàn thiện hệ thống cây xanh (gồm cả cây bóng mát, cây cảnh, cây hoa và thảm cỏ...) đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch được phê duyệt; không gian xanh, bao gồm không gian xanh tự nhiên (rừng, đồi, núi, thảm thực vật ven sông, hồ và ven biển) và không gian xanh nhân tạo (công viên, vườn hoa, mặt nước...) phải được gắn kết với nhau thành một hệ thống liên hoàn; kết hợp với quy hoạch trồng cây phòng hộ ngoài đồng ruộng, cây phòng hộ chống cát ven biển, cây chống xói mòn để tạo thành một hệ thống cây xanh trong xã. - Ưu tiên sử dụng các loại cây xanh bản địa, đặc trưng vùng miền và phù hợp với khu vực nông thôn, bảo vệ được các cây quý hiếm, cây cổ thụ có giá trị. Việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân 	<p>thực hiện cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh (hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh).</p>	

³¹ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (mục 2.16.11.3) (được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng).

³² Luật BVMT 2020 (điểm c khoản 2 Điều 59).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy); không gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường (không tiết ra chất độc hại ảnh hưởng đến sức khỏe con người); không trồng các loài cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định³³.</p> <p>- Ưu tiên trồng cây xanh ở các địa điểm công cộng như: Trụ sở xã, nhà trẻ, trường học, trạm y tế xã, trung tâm văn hóa thể thao, các chợ, cửa hàng dịch vụ, điểm sinh hoạt cộng đồng, xung quanh các ao hồ sinh thái,....</p> <p><i>(2) Đối với hệ thống ao, hồ</i></p> <p>Hệ thống ao, hồ sinh thái trong khu dân cư đảm bảo các yêu cầu chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch được phê duyệt. - Tạo mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp. - Có khả năng phát triển chăn nuôi, thủy sản, tạo nguồn lợi kinh tế (nếu có). - Nạo vét, tu bổ ao, hồ thường xuyên nhằm tạo không gian, cảnh quan sinh thái và điều hòa môi trường; có rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân. - Các đoạn sông, kênh, rạch trong xã không có mùi hôi thối, không ứ đọng rác thải; không có tên trong danh sách khu, điểm ô nhiễm môi trường do UBND tỉnh phê duyệt. <p><i>(3) Đối với đường làng ngõ xóm</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh đường làng ngõ xóm là nội dung của quy 		

³³ Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28/12/2018 của Bộ TN&MT về quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>ước/hương ước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tuyến đường đã được cứng hóa³⁴, đảm bảo thoát nước (khuyến khích theo hướng hệ thống thoát nước kín), không ứ đọng nước thải, lầy lội khi có mưa. - Các tuyến đường phải được đảm bảo thông thoáng, không lấn chiếm lòng lề đường và không đổ/xả rác bừa bãi, không tập kết rác sai vị trí, thời gian quy định. - Các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh. Hàng rào bằng cây phải được cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông; ưu tiên sử dụng các vật liệu tái chế để trang trí, tạo cảnh quan, giáo dục ý thức về bảo vệ môi trường. Đối với các đoạn đường có diện tích hẹp, có thể sử dụng tranh bích họa hoặc hệ thống cây treo tường/hàng rào. - Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ (có tổ vệ sinh thường xuyên quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải về nơi xử lý tập trung theo quy định). <p><i>(4) Đối với khu vực công cộng³⁵</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng. - Không để hiện tượng ứ đọng nước thải, CTR không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông, công viên, khu vui chơi, giải trí, nhà ga, 		

³⁴ *Tuyến đường được cứng hóa*: Là mặt đường được trải bằng một trong các loại vật liệu như đá dăm, lát gạch, bê tông xi măng dựa trên Thông tư 32/2014/TT-GTVT ngày 08/8/2014 về việc hướng dẫn về quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn (Khoản 1, Điều 2).

³⁵ Luật BVMT 2020 (Điều 59).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà...); không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng. - Tăng cường cải tạo ao, hồ, khu vực công cộng... thành các khu vui chơi giải trí, khu vực tập thể dục, khu sinh hoạt cộng đồng, khu vực học bơi cho trẻ em. - Chinh trang, vệ sinh sạch sẽ, trồng cây xanh, cây hoa tạo cảnh quan và cấp nước sạch và bố trí nhà vệ sinh theo quy định đối với khuôn viên trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa thôn, xóm.		
	17.6. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	1. Đối tượng/phạm vi - CTR là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải ³⁶ . - CTR sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là CTR phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người ³⁷ . - CTR không nguy hại (CTR thông thường) là CTR không thuộc danh mục CT nguy hại hoặc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại ³⁸ . 2. Yêu cầu/quy định cụ thể (1) CTR sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định, bao gồm: - Thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt ³⁹ . - Xử lý CTR sinh hoạt ⁴⁰ .	1. Phương pháp đánh giá - Thống kê số hộ gia đình đăng ký thu gom, xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn. - Thống kê khối lượng CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại phát sinh, thu gom, xử lý trên địa bàn. - Kiểm tra thực tế: Khảo sát các điểm	1. Hồ sơ minh chứng - Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Danh sách hộ gia đình đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn. - Báo cáo về công

³⁶ Luật BVMT 2020 (khoản 19 Điều 3).

³⁷ Luật BVMT 2020 (khoản 11 Điều 3).

³⁸ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 10 Điều 3).

³⁹ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 72, Điều 77); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58, 61, 63).

⁴⁰ Luật BVMT 2020 (Điều 78); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 59, 62).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>(2) CTR không nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CTR công nghiệp thông thường: phân loại, lưu giữ, vận chuyển⁴¹ và xử lý⁴². - Chất thải xây dựng⁴³. <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp⁴⁴. <p>(3) Bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển phù hợp theo quy định (nếu có)⁴⁵.</p> <p>(4) UBND xã tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại đến khu xử lý chất thải tập trung/cơ sở xử lý chất thải rắn (nhà máy, bãi chôn lấp hợp vệ sinh, nếu có) theo kế hoạch đã được phê duyệt.</p> <p>(5) Khu xử lý chất thải tập trung, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt (nếu có)⁴⁶ theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 7.1 đối với tiêu chí cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.</p>	<p>tập kết, bố trí thùng rác tại các đường chính, các khu thương mại, các công viên, các điểm tập trung dân cư, các đầu mối giao thông và các khu vực công cộng.</p> <p>2. Phương pháp xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (%) = Tổng số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác/ Tổng số hộ hiện có trên địa bàn x 100%. - Thống kê tỷ lệ (khối lượng) các loại CTR sinh hoạt/công 	<p>tác thu gom, xử lý chất thải CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại bao gồm: khối lượng CTR phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý.</p>

⁴¹ Luật BVMT 2020 (Điều 81).

⁴² Luật BVMT 2020 (Điều 82).

⁴³ Luật BVMT 2020 (Điều 64).

⁴⁴ Luật BVMT 2020 (khoản 4 và khoản 5, Điều 61); và theo quy định, hướng dẫn của Bộ NN&PTNT.

⁴⁵ Luật BVMT 2020 (Điều 76); Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 26).

⁴⁶ Luật BVMT 2020 (Điều 78); Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Khoản 5, Điều 3).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
			nghiệp thông thường/xây dựng/chăn nuôi/phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý trên tổng khối lượng các loại CTR sinh hoạt/công nghiệp thông thường/xây dựng/chăn nuôi/phụ phẩm nông nghiệp phát sinh (x 100%).	
	17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng và CTR y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT	1. Đối tượng/phạm vi - Bao gói thuốc BVTV ⁴⁷ . - CTR y tế bao gồm ⁴⁸ : + Chất thải rắn thông thường; + Chất thải nguy hại bao gồm: Chất thải lây nhiễm và Chất thải nguy hại không lây nhiễm ⁴⁹ . 2. Yêu cầu/quy định cụ thể <i>(1) Thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định⁵⁰:</i>	1. Phương pháp đánh giá - Đối với bao gói thuốc BVTV: Thống kê khối lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh tại các khu vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. - Đối với CTR y tế: Thống kê khối lượng	1. Hồ sơ minh chứng - Kế hoạch/ Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Báo cáo về công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV.

⁴⁷ Luật BVMT 2020 (khoản 3 Điều 61).

⁴⁸ Luật BVMT 2020 (điểm b khoản 1 Điều 62).

⁴⁹ Luật BVMT 2020 (điểm b khoản 1 Điều 62); Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

⁵⁰ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 43).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá
		<ul style="list-style-type: none"> - Bao gói thuốc BVTV phải được thu gom, vận chuyển, xử lý bảo đảm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. - Cơ sở xử lý bao gói thuốc BVTV (nếu có) phải có chức năng, năng lực phù hợp để xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. <p>(2) Thu gom, xử lý CTR y tế theo quy định⁵¹:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn y tế phải được phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, giảm thiểu, tái chế, bàn giao về cơ sở xử lý chất thải. - Cơ sở xử lý chất thải y tế (thông thường, lây nhiễm và chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm) (nếu có) phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 	<p>chất thải y tế (phân định, phân loại theo từng loại riêng biệt) tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn.</p> <p>2) Phương pháp xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ bao gói thuốc BVTV trên địa bàn được thu gom, xử lý (%) = $\frac{\text{Tổng khối lượng bao gói thuốc BVTV trên địa bàn được thu gom, xử lý}}{\text{Tổng khối lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh trên địa bàn}} \times 100\%$. - Tỷ lệ chất thải y tế (theo từng loại riêng biệt) tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn thu gom, xử lý (%) = $\frac{\text{Tổng khối lượng chất thải y tế (theo từng loại riêng biệt) tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn thu gom, xử lý}}{\text{Tổng khối lượng chất thải y tế (theo từng loại riêng biệt) tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn}} \times 100\%$.

⁵¹ Luật BVMT 2020 (Điều 83, 84); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 3, 4 Điều 70); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 42).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
			biệt) tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn được thu gom, xử lý/ Tổng khối lượng chất thải y tế phát sinh tại các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn x 100%.	
	17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà tiêu hộ gia đình. - Nhà tắm hộ gia đình. - Thiết bị chứa nước sinh hoạt hộ gia đình. - Đảm bảo 3 sạch, bao gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động (<i>Hội LHPN Việt Nam hướng dẫn nội dung này</i>)). <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>(1) Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo quy định về kỹ thuật theo QCVN 01:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh) với các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được xây dựng khép kín; chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường; không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở; không gây mùi hôi, khó chịu. - Có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân (virut, vi khuẩn). 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê hộ có và chưa có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (%) = Số hộ dân có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch / Tổng số hộ dân trên địa bàn x 100%.</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>Danh sách hộ có và chưa có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.</p>

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>(2) Nhà tắm hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che. - Nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định. <p>(3) Bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bể chứa phải có dung tích đủ lớn để đáp ứng nhu cầu sử dụng. - Sử dụng vật liệu làm bể chứa/dụng cụ chứa không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng và phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, khuyến khích sử dụng bể chứa nước được xây bằng gạch hoặc bê tông; lu, sành, khạp, chum, vại; dụng cụ trữ nước sinh hoạt bằng inox, nhựa. - Bể, dụng cụ trữ nước sinh hoạt phải có nắp đậy kín để ngăn ngừa các chất bẩn khác xâm nhập hoặc muỗi vào đẻ trứng; đối với lu, bể lớn cần có van lấy nước, van xả cặn và van xả tràn. - Vệ sinh bể trữ, lu vại trước khi chứa nước và định kỳ 3 tháng 1 lần; nếu dụng cụ chứa nước bị nhiễm bẩn, cần thau rửa ngay sau khi nước rút bằng Cloramin B, hoặc clorua vôi. 		
	17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - CTR sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau⁵²: + CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế. + Chất thải thực phẩm. + CTR sinh hoạt khác. 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>Thống kê số hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn (không bao gồm</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>Báo cáo kết quả thực hiện, kèm theo số liệu chi tiết.</p>

⁵² Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 75); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 1, 2, 3, 4 Điều 56).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>(1) <i>Chất thải rắn</i> phát sinh từ hộ gia đình được phân loại theo hướng dẫn của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.⁵³</p> <p>(2) <i>CTR sinh hoạt</i> sau khi được phân loại thực hiện quản lý như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi. - CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt. - Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định khuyến khích sử dụng làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt. - CTR sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt. - Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chuyển CTR sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt⁵⁴. - UBND xã tổ chức triển khai hoạt động phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn theo quy định⁵⁵, trong đó UBND xã hướng dẫn cụ thể việc phân loại thông qua tuyên truyền, vận động hoặc đưa vào 	<p><i>phường, thị trấn).</i></p> <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn / Tổng số hộ dân trên địa bàn x 100%.</p>	

⁵³ Luật BVMT 2020 (khoản 4 Điều 75); Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

⁵⁴ Luật BVMT 2020 (khoản 5 Điều 77).

⁵⁵ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (điểm c khoản 3 Điều 63).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
	17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	<p>quy ước, hương ước của địa phương.</p> <p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <p>- <i>Chất thải nhựa</i>⁵⁶, bao gồm:</p> <p>+ <i>Sản phẩm nhựa sử dụng một lần</i> là các sản phẩm (trừ sản phẩm gắn kèm không thể thay thế) bao gồm khay, hộp chứa đựng thực phẩm, bát, đĩa, ly, cốc, dao, thìa, dĩa, ống hút, dụng cụ ăn uống khác có thành phần nhựa được thiết kế và đưa ra thị trường với chủ đích để sử dụng một lần trước khi thải bỏ ra môi trường⁵⁷.</p> <p>+ <i>Bao bì nhựa khó phân hủy sinh học</i> là bao bì có thành phần chính là polyme có nguồn gốc từ dầu mỏ như nhựa Polyme Etylen (PE), Polypropylen (PP), Polyme Styren (PS), Polyme Vinyl Clorua (PVC), Polyethylene Terephthalate (PET) và thường khó phân hủy, lâu phân hủy trong môi trường thải bỏ (môi trường nước, môi trường đất hoặc tại bãi chôn lấp CTR)⁵⁸.</p> <p>- Nguồn gốc phát sinh chất thải nhựa⁵⁹:</p> <p>+ Từ hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch (nếu có).</p> <p>+ Từ hoạt động kinh tế trên biển (du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản...) (nếu có).</p> <p>+ Từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và từ các khu vực công cộng.</p>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>Thống kê tổng lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn theo các nguồn được nêu tại mục 1.</p> <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý/ Tổng khối lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn x 100%.</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>Báo cáo kết quả thực hiện, kèm số liệu chi tiết.</p>

⁵⁶ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 73).

⁵⁷ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 14 Điều 3).

⁵⁸ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 15 Điều 3).

⁵⁹ Luật BVMT 2020 (Điều 66, khoản 2 Điều 73).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>Chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định⁶⁰:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông và đại dương. - Chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật; chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định. - Chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và dịch vụ biển, từ hoạt động kinh tế trên biển (kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và tài nguyên khoáng sản biển, nuôi trồng và khai thác thủy sản...) phải được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho cơ sở có chức năng tái chế và xử lý. - Ưu tiên sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm thay thế bao bì nhựa dùng một lần, sản phẩm thay thế bao bì nhựa khó phân hủy sinh học. - Có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoặc mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa; hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa. 		

Ghi chú:

- UBND xã tự đánh giá mức độ đạt được, có tham khảo và thống nhất với các đơn vị có liên quan (Phòng TN&MT huyện, thị xã, thành phố; Phòng NN&PTNT huyện/Phòng Kinh tế đối với thị xã, thành phố; Trạm Y tế xã; Tổ, đội thu gom rác...) và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.

- UBND huyện thẩm tra kết quả/báo cáo của UBND xã.

⁶⁰ Luật BVMT 2020 (khoản 1, 2, 4 Điều 73).

Phần III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

3.1. Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025⁶¹

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
			Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥90%	≥80%	≥98%	≥85%	≥85%	≥80%	≥98%	≥95%	Bộ Tài nguyên và Môi trường

⁶¹ Theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPDP)
			Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	
17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	≥25%	≥50%	≥40%	≥40%	≥30%	≥50%	≥35%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	≥75%	≥95%	≥85%	≥90%	≥75%	≥95%	≥85%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể								Bộ Xây dựng

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPDP)
			Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa táng	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể (nếu có) để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							Bộ Tài nguyên và Môi trường	
	17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² / người	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố chỉ tiêu cụ thể							Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	≥50%	≥90%	≥70%	≥70%	≥50%	≥90%	≥70%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥55%	≥35%	≥65%	≥55%	≥50%	≥35%	≥65%	≥55%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể							Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPDP)
			Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
	18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững		UBND cấp tỉnh quy định cụ thể							Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm		UBND cấp tỉnh quy định cụ thể							Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng							Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPDP)
			Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	
	18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥95%	≥80%	100%	≥95%	≥95%	≥80%	100%	≥80%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.2. Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao hướng dẫn

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu kinh doanh, dịch vụ (nếu có); - <i>Khu chăn nuôi</i>: là khu vực được thiết kế và xây dựng để nuôi dưỡng các loại động vật, thường là gia súc, gia cầm hoặc thủy sản. Khu vực này bao gồm các chuồng trại, khu vực thức ăn, khu vực chứa chất thải, và các cơ sở hạ tầng khác cần thiết cho việc chăn nuôi.⁶² - <i>Khu giết mổ (gia súc, gia cầm)</i>: là cơ sở giết mổ động vật nằm trong quy hoạch được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.⁶³ - Khu nuôi trồng thủy sản (nếu có). <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>Có hạ tầng kỹ thuật BVMT, bao gồm: Hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải, quan trắc môi trường và công trình BVMT khác⁶⁴, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>Có/không có hạ tầng kỹ thuật về BVMT.</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ về hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải, khu vực lưu trữ chất thải rắn; - Báo cáo giám sát môi trường định kỳ (số liệu quan trắc môi trường) hoặc báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; - Hồ sơ công trình BVMT hoặc giấy phép môi trường được cơ quan thẩm quyền cấp, phê duyệt.

⁶² Luật chăn nuôi 2018 (Khoản 1, Điều 2).

⁶³ Thông tư 13/2017/TT-BNNPTNT.

⁶⁴ Luật BVMT 2020 (khoản 24 Điều 3).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quan trắc môi trường theo quy định⁶⁵. - Có công trình BVMT theo quy định, bao gồm⁶⁶: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình xử lý chất thải là công trình, thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải, CTR và CTNH. + Công trình thu gom, lưu giữ CTR là công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ CTR thông thường, CTR nguy hại để đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển CTR đến địa điểm xử lý hoặc tái sử dụng, tái chế. + Công trình BVMT khác. 		
	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.2 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		
	17.3. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		
	17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nước thải</i> là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường⁶⁷. 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>Thống kê số hộ gia đình thực hiện và</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>Danh sách các hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu</p>

⁶⁵ Luật BVMT 2020 (Điều 111, 112).

⁶⁶ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 46).

⁶⁷ Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng: Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải ngày 27/04/2020 (Khoản 4 Điều 3).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>- <i>Nước thải sinh hoạt</i> là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...⁶⁸</p> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>- Đối với hộ gia đình⁶⁹: Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT theo quy định.</p> <p>- Biện pháp xử lý nước thải phù hợp bao gồm: Có hệ thống đường ống thu gom, thoát nước thải đến công trình xử lý (bể tự hoại truyền thống; bể tự hoại có ngăn lọc kỵ khí; bể tự hoại cải tiến dạng BASTAF; bể phản ứng kỵ khí vách ngăn dòng hướng lên (ABR); bãi lọc trồng cây; hồ sinh học; bể lọc sinh học; bể bùn hoạt tính, bể phản ứng theo mẻ hoặc các công nghệ khác)⁷⁰.</p>	<p>chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.</p> <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = Tổng số hộ thực hiện thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp / Tổng số hộ trên địa bàn x 100%.</p>	<p>gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (bao gồm: tên, địa chỉ; khối lượng nước thải phát sinh tính theo ngày đêm; công trình/biện pháp xử lý đã triển khai).</p>
	17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.11 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		

⁶⁸ Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng; Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải ngày 27/04/2020 (khoản 8 Điều 2) ; khoản 3 Điều 4: “*Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về BVMT khu dân cư nông thôn tập trung và các quy định quản lý hệ thống thoát nước địa phương*”; khoản 2 Điều 23 quy định về xử lý nước thải phi tập trung: “*Việc áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phải đạt được hiệu quả về kinh tế và BVMT, hạn chế được nguồn nước thải gây ô nhiễm và giảm thiểu các tác động trực tiếp của nước thải với môi trường*”.

⁶⁹ Luật BVMT 2020 (điểm b, e khoản 1 Điều 60).

⁷⁰ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (xử lý nước thải phi tập trung) (khoản 4 Điều 1); Công văn số 1252/VPĐP-NV&MT ngày 27/12/2023 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc hướng dẫn tạm thời về thu gom, xử lý và quản lý nước thải sinh hoạt cho khu vực nông thôn (quy mô gia đình và cụm dân cư).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
	17.6. Tỷ lệ CTR nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về BVMT	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - CTR nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác⁷¹. - CTR nguy hại tại chỉ tiêu này gồm: <ul style="list-style-type: none"> + CTR nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình; + CTR nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; + CTR y tế nguy hại; + Bao gói thuốc BVTV. <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>(1) Đối với hộ gia đình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại CTR nguy hại tại hộ gia đình⁷² - Điểm tập kết, trạm trung chuyển⁷³ - Thu gom, vận chuyển⁷⁴ <p>(2) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh</p>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>Thông kê khối lượng CTR nguy hại phát sinh trên địa bàn.</p> <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ CTR nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng khối lượng CTR nguy hại được thu gom, xử lý/Tổng khối lượng CTR nguy hại phát sinh trên địa bàn x 100%.</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR (bao gồm cả chất thải nguy hại) được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Báo cáo về công tác thu gom, xử lý chất thải CTR nguy hại bao gồm: khối lượng CTR phát sinh, biện pháp thu gom, xử lý, đơn vị thu gom, xử lý; Báo cáo giám sát môi trường của các cơ sở xử lý rác thải nguy hại hoặc báo cáo công tác bảo vệ môi

⁷¹ Luật BVMT 2020 (khoản 20 Điều 3).

⁷² Luật BVMT 2020 (khoản 1 và khoản 2 Điều 75; điểm b khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 75); Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

⁷³ Luật BVMT 2020 (khoản, khoản 2 Điều 6).

⁷⁴ Luật BVMT 2020 (Điều 77).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>- Phân định, phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển CTR nguy hại⁷⁵</p> <p>(3) Đối với các cơ sở xử lý chất thải nguy hại⁷⁶ (nếu có) phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường</p> <p>(4) Đối tượng/phạm vi, yêu cầu/quy định cụ thể đối với chất thải y tế nguy hại và bao gói thuộc BVTV thực hiện theo hướng dẫn tại tiêu chí 17.7 thuộc bộ tiêu chí xã nông thôn mới.</p>		trường thường niên.
	17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		
Chất lượng môi trường sống	18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.8 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		
	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <p>- Bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh là bãi chôn lấp chất thải rắn được quy hoạch, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành hợp kỹ thuật vệ sinh để chôn lấp chất thải rắn⁷⁷ (nếu có).</p> <p>- Bãi chôn lấp chất thải rắn không hợp vệ sinh (nếu có).</p>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>- Thống kê số lượng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đang hoạt động trên địa bàn.</p> <p>- Thống kê số lượng</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>- Kế hoạch/Phương án thu gom, vận chuyển, xử lý CTR được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Giấy phép môi</p>

⁷⁵ Luật BVMT 2020 (khoản 1, 2, 3, 4 Điều 83); Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của luật BVMT (khoản 1, 2, 4 Điều 68; Điều 69).

⁷⁶ Luật BVMT 2020 (Điều 84); Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của luật BVMT (Điều 70).

⁷⁷ QCVN 07-9:2023/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình thu gom, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá
		<p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đang hoạt động phải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định⁷⁸. - Bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi đóng bãi và bãi chôn lấp CTR sinh hoạt không hợp vệ sinh phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về BVMT⁷⁹. 	<p>bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi đóng bãi.</p> <p>2. Phương pháp xác định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường (%) = $\frac{\text{Tổng số bãi chôn lấp CTR sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường}}{\text{Tổng số bãi chôn lấp CTR sinh hoạt hiện có trên địa bàn}} \times 100\%$. <p>trường của các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo giám sát môi trường của bãi chôn lấp rác thải rắn sinh hoạt hoặc báo cáo công tác bảo vệ môi trường thường niên.

Ghi chú:

- UBND xã tự đánh giá mức độ đạt được, có tham khảo và thống nhất với các đơn vị có liên quan (Phòng TN&MT huyện, thị xã, thành phố; Phòng NN&PTNT huyện/Phòng Kinh tế đối với thị xã, thành phố; Trạm Y tế xã; Tổ, đội thu gom rác...) và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.

- UBND huyện thẩm tra kết quả/báo cáo của UBND xã.

⁷⁸ QCVN 25:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp CTR; TCVN 6696:2009 - Chất thải rắn - Bãi chôn lấp hợp vệ sinh - Yêu cầu chung về BVMT; QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình quản lý CTR và nhà vệ sinh công cộng.

⁷⁹ Luật BVMT 2020 (Điều 80).

Phần IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

4.1. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025⁸⁰

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường

⁸⁰ Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
	7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Bộ NNPTNT công bố chỉ tiêu cụ thể	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 35\%$	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4.2. Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao hướng dẫn

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý CTR trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về BVMT; tỷ lệ CTR sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>CTR sinh hoạt, CTR thông thường</i> theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc bộ tiêu chí xã nông thôn mới. - <i>CTR nguy hại</i> theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao - <i>Chất thải công nghiệp</i> là chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong đó bao gồm CTR nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và CTR công nghiệp thông thường⁸¹. - Chất thải rắn y tế và bao gói thuốc BVTV theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.7 thuộc bộ tiêu chí xã nông thôn mới - <i>Hệ thống thu gom, xử lý CTR</i> bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ, đội thu gom, vận chuyển. + Thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển. + Các điểm tập kết, trạm chung chuyển⁸² (nếu có). + Bãi chôn lấp, khu xử lý CTR tập trung⁸³ (nếu có). - <i>Chôn lấp trực tiếp</i> là việc chôn lấp chất thải sinh hoạt không qua các công đoạn xử lý chất thải (bao gồm cả sơ 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống thu gom, vận chuyển, các điểm tập kết, trạm trung chuyển (nếu có) trên địa bàn. - Kiểm tra hệ thống/cơ sở xử lý chất thải hiện có (quy mô, công suất, tình trạng hoạt động), mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ CTR sinh hoạt</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án/kế hoạch quản lý CTR trên địa bàn huyện kèm theo Quyết định phê duyệt. - Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc Giấy xác nhận kế hoạch BVMT, hoặc hồ sơ tương đương theo quy định của pháp luật về BVMT đối với khu xử lý CTR trên địa bàn huyện (Bãi chôn lấp CTR; Lò đốt CTR công nghiệp; Lò đốt CTR y tế; Lò đốt CTR sinh hoạt). - Giấy phép môi trường của các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn

⁸¹ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT 2020 (khoản 12 Điều 3).

⁸² Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT 2020 (khoản 3 Điều 3).

⁸³ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT 2020 (khoản 5 Điều 3).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá
		<p>ché, tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng) tại các bãi chôn lấp CTR hợp vệ sinh⁸⁴ “được quy hoạch, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành hợp kỹ thuật vệ sinh để chôn lấp CTR”.</p> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>(1) <i>Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đúng quy định đối với CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại, lưu giữ, chuyên giao, thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt⁸⁵. - Yêu cầu kỹ thuật về BVMT đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển CTR sinh hoạt⁸⁶. - Yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển⁸⁷. <p>(2) <i>Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đúng quy định đối với CTR công nghiệp thông thường phát sinh trên địa bàn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý⁸⁸. - Yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển⁸⁹. <p>(3) <i>Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đối với CTR nguy</i></p>	<p>chôn lấp trực tiếp (%) = Khối lượng CTR sinh hoạt chôn lấp trực tiếp / Tổng khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn x 100%.</p> <p>(nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo giám sát môi trường của cơ sở xử lý thải rắn hoặc báo cáo công tác bảo vệ môi trường thường niên của các cơ sở này. - Quyết định thành lập tổ, đội vệ sinh môi trường hoặc Hợp đồng dịch vụ thu gom đối với đơn vị có chức năng.

⁸⁴ QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các công trình quản lý CTR và nhà vệ sinh công cộng.

⁸⁵ Luật BVMT 2020 (Điều 75, 77); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 58, 59, 60, 61, 62, 63).

⁸⁶ Luật BVMT 2020 (Điều 76); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 26).

⁸⁷ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 27).

⁸⁸ Luật BVMT 2020 (Điều 81); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 65, 66, 67); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 33).

⁸⁹ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 34).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p><i>hại phát sinh trên địa bàn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân định, phân loại CTNH⁹⁰. - Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý CTNH (thiết bị, khu vực lưu chứa)⁹¹, trong đó bao gồm thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng và CTR y tế theo quy định⁹². - Phương tiện vận chuyển CTNH⁹³. <p><i>(4) Bãi chôn lấp chất thải, khu xử lý CTR tập trung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bãi chôn lấp CTR (nếu có) phải tuân thủ tiêu chuẩn/quy chuẩn xây dựng Việt Nam về bãi chôn lấp CTR; nước thải từ bãi chôn lấp phải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải bãi chôn lấp (QCVN 25:2009/BTNMT)⁹⁴. - Đóng bãi chôn lấp CTR sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động⁹⁵. - Khu xử lý CTR tập trung (nếu có) phải đáp ứng yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nằm trong quy hoạch tỉnh⁹⁶. 		

⁹⁰ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 68).

⁹¹ Luật BVMT 2020 (Điều 83); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 69, 70).

⁹² Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 35, 36, 42, 43).

⁹³ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 37).

⁹⁴ QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các công trình quản lý CTR và nhà vệ sinh công cộng; TCVN 6696:2009 - Chất thải rắn - Bãi chôn lấp hợp vệ sinh - Yêu cầu chung về BVMT.

⁹⁵ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 32).

⁹⁶ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (điểm c khoản 1 Điều 10).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>+ Có Báo cáo ĐTM; Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận theo quy định⁹⁷.</p> <p>+ Lò đốt CTR công nghiệp thông thường (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR công nghiệp (QCVN 30:2012/BTNMT).</p> <p>+ Lò đốt CTR y tế (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR y tế (QCVN 02:2012/BTNMT), không sử dụng để đốt CTR công nghiệp và sinh hoạt.</p> <p>+ Lò đốt CTR sinh hoạt (nếu có) phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTR sinh hoạt (QCVN 61-MT:2016/BTNMT), không sử dụng để đốt CTR công nghiệp và y tế.</p>		
	7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	<p>Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.11 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và chỉ tiêu 17.5 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao</p> <p>1) Phương pháp đánh giá</p> <p>- Số hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các xã, thị trấn của huyện.</p> <p>2) Phương pháp xác định</p> <p>- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn (%) = Số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn / Tổng số hộ dân trên địa bàn huyện x 100%.</p>		

⁹⁷ Luật BVMT 2020 quy định về Báo cáo ĐTM, Giấy phép môi trường, Đăng ký môi trường (Điều 30, 31, 39, 49).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
	7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình xử lý nước thải là trạm, nhà máy xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật⁹⁸ và bảo đảm các quy định về bảo vệ môi trường⁹⁹. Công trình xử lý nước thải gồm các công trình, thiết bị được sản xuất, lắp ráp sẵn, hoặc xây dựng để xử lý nước thải¹⁰⁰. - Quy mô công trình xử lý nước thải sinh hoạt¹⁰¹, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Công trình xử lý nước thải theo cụm: áp dụng đối với các hệ thoát nước ở gần nhau với tổng lượng nước thải từ 50 m³/ngày.đêm đến 200 m³/ngày.đêm; + Công trình xử lý nước thải theo khu vực: áp dụng trong một địa giới hành chính nhất định với tổng lượng nước thải từ 200 m³/ngày.đêm đến 1000 m³/ngày.đêm”; + Công trình xử lý nước thải với tổng lượng nước thải trên 1000 m³/ngày.đêm. <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các khu dân cư tập trung mới phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải (trừ trường hợp đặc thù do Chính phủ quy định)¹⁰². - Tùy điều kiện thực tế, UBND cấp huyện lựa chọn và xây 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>Kiểm tra đánh giá công suất, quy trình công nghệ và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải (nếu có).</p> <p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ phù hợp nêu tại mục 2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề án/kế hoạch thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn huyện kèm theo Quyết định phê duyệt. - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình xử lý nước thải sinh hoạt; nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải (nếu có); có đơn vị quản lý và vận hành (nếu có). - Kết quả giám sát nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14-MT:2015/BTNMT (nếu có). - Có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (nếu

⁹⁸ Theo quy định tại Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình xây dựng (Công trình thoát nước, QCVN 07-2:2023/BXD).

⁹⁹ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 87).

¹⁰⁰ Khoản 3, Điều 3, Nghị định số 80/2022/NĐ-CP.

¹⁰¹ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng (khoản 2 Điều 1).

¹⁰² Luật BVMT 2020 (Khoản 1, Điều 86).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>dụng công trình xử lý nước thải sinh hoạt với quy mô và công nghệ phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công nghệ phù hợp với loại hình, đặc tính nước thải cần xử lý, bao gồm: bể phản ứng kỵ khí vách ngăn dòng hướng lên (ABR), bãi lọc trồng cây, hồ sinh học, bể lọc sinh học; bể bùn hoạt tính, bể phản ứng theo mẻ¹⁰³, công nghệ sinh học hiếu khí (Aerotank), Công nghệ sinh học kỵ khí (UASB), Công nghệ MBBR (công nghệ bùn hoạt tính áp dụng kỹ thuật vi sinh dính bám trên lớp vật liệu mang di chuyển), Công nghệ yếm khí – thiếu khí – hiếu khí (AAO) và các công nghệ khác. - Công nghệ và công suất hệ thống xử lý nước thải phải phù hợp với lưu lượng và đặc tính nước thải cần xử lý; vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải; điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải. - Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý CTR. 		<p>có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kinh phí chi trả cho vận hành cho công trình xử lý nước thải sinh hoạt.
	7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về BVMT, trong	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Khu công nghiệp</i>¹⁰⁴ được bao gồm trong khái niệm Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gồm <i>khu công nghiệp</i>, khu chế 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê KCN, CCN, làng nghề 	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản công nhận/phê duyệt thành lập KCN, CCN, làng

¹⁰³ Công văn số 1252/VPĐP-NV&MT ngày 27/12/2023 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về việc hướng dẫn tạm thời về thu gom, xử lý và quản lý nước thải sinh hoạt cho khu vực nông thôn (quy mô gia đình và cụm dân cư).

¹⁰⁴ Luật BVMT 2020 (khoản 37 Điều 3).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
	<p>đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu</p>	<p>xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế).</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Cụm công nghiệp</i> là nơi sản xuất công nghiệp, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống, được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh¹⁰⁵. - “<i>Làng nghề</i> là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn”¹⁰⁶. <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p><i>a) Đối với KCN:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hạ tầng BVMT theo quy định¹⁰⁷. - Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN¹⁰⁸. - Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh KCN, kho tàng và CCN với chiều rộng ≥ 10 m; trồng cây xanh theo quy định¹⁰⁹. 	<p>trên địa bàn huyện (<i>thực hiện và chưa thực hiện quy định về BVMT</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích cây xanh tối thiểu là 10% diện tích toàn KCN, CCN. 	<p>nghề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt phương án BVMT làng nghề. - Hồ sơ về hạ tầng kỹ thuật về BVMT của KCN, CCN, làng nghề. - Báo cáo công tác BVMT thường niên.

¹⁰⁵ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (khoản 1 Điều 2).

¹⁰⁶ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 3).

¹⁰⁷ Luật BVMT 2020 (khoản 24 Điều 3, khoản 1 Điều 51); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 49).

¹⁰⁸ Luật BVMT 2020 (khoản 3, 4, 5 Điều 51); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 49).

¹⁰⁹ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (mục 2.5.3) (được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p><i>b) Đối với CCN:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hạ tầng BVMT theo quy định¹¹⁰. - Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN¹¹¹. - Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh KCN, kho tàng và CCN với chiều rộng ≥ 10 m; trồng cây xanh theo quy định¹¹². <p><i>c) Đối với làng nghề:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có Quyết định công nhận làng nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt¹¹³. - Có phương án BVMT làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt¹¹⁴. - Có tổ chức tự quản về BVMT¹¹⁵. - Có hạ tầng về BVMT làng nghề¹¹⁶, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề. + Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT. 		

¹¹⁰ Luật BVMT 2020 (khoản 1,2 Điều 52); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 48).

¹¹¹ Luật BVMT 2020 (khoản 3 Điều 52); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (Điều 49).

¹¹² QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (mục 2.5.3) (được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng).

¹¹³ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 25).

¹¹⁴ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 2, 3 Điều 33).

¹¹⁵ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 56); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 3 Điều 33).

¹¹⁶ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 56).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		+ Có điểm tập kết CTR đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT; khu xử lý CTR (nếu có) bảo đảm quy định về quản lý CTR hoặc có phương án vận chuyển CTR đến khu xử lý CTR nằm ngoài địa bàn.		
	7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		
	7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển CTR sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <p>Các điểm tập kết, trạm chung chuyển CTR sinh hoạt (nếu có).</p> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>Yêu cầu kỹ thuật về BVMT đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển CTR sinh hoạt¹¹⁷.</p>	Các điểm tập kết, trạm chung chuyển CTR sinh hoạt (nếu có).	Các điểm tập kết, trạm chung chuyển CTR sinh hoạt (nếu có).
Chất lượng môi trường sống	8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <p>“Nước mặt” là nước tồn tại trên bề mặt lục địa hoặc hải đảo, bao gồm: sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm¹¹⁸.</p>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>- Rà soát, đánh giá nội dung về bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>Kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện (kèm theo</p>

¹¹⁷ Luật BVMT 2020 (Điều 76); Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT (Điều 26); QCVN 07-9:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các công trình quản lý CTR và nhà vệ sinh công cộng (Mục 2.1, 2.2).

¹¹⁸ QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>2. Yêu cầu / quy định cụ thể</p> <p>Xây dựng và ban hành Kế hoạch/Đề án thực hiện các hoạt động BVMT nước mặt¹¹⁹, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt. - Quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt và công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng nước mặt đối với những khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. - Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm trên địa bàn. 	<p>và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện trong các kế hoạch hoặc đề án về BVMT của huyện.</p> <p>- Khảo sát đánh giá trực tiếp tại các ao hồ, nguồn nước mặt trên địa bàn huyện đã được cải tạo, phục hồi.</p>	<p>Quyết định phê duyệt) (có thể lồng ghép trong đề án/kế hoạch bảo vệ môi trường chung hoặc tách rời).</p>
	8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	<p>Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.3 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới (<i>bổ sung thêm Phương pháp xác định cảnh quan không gian sáng</i>)</p> <p>- Cảnh quan không gian sáng: Đường xã, liên xã, liên thôn được xây dựng/lắp đặt hệ thống chiếu sáng tối thiểu 50%.</p>	<p>(<i>bổ sung thêm Phương pháp</i>)</p>	

Ghi chú:

- UBND huyện tự đánh giá mức độ đạt được, có tham khảo và thống nhất với các đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.
- Sở TN&MT thẩm tra kết quả/báo cáo của UBND huyện.

¹¹⁹ Luật BVMT 2020 (khoản 1 Điều 8).

Phần V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

5.1. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025¹²⁰

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
Môi trường	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	≥95%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥70%	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	≥50%	Bộ Tài nguyên và Môi trường

¹²⁰ Theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
	7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	Bộ Tài nguyên và Môi trường
Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Đạt	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 40\%$	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	≥ 01 mô hình	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn (theo Công văn số 1522/BNN-VPĐP)
	8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	

5.2. Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
Môi trường	7.1. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		
	7.2. Tỷ lệ CTR nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao		
	7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.11 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và chỉ tiêu 7.2 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới (<i>Phương pháp xác định và đánh giá theo chỉ tiêu 7.2 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới</i>)		
	7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	1. Đối tượng/phạm vi <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nước thải</i> là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác¹²¹. - <i>Nước thải sinh hoạt</i> là nước thải ra từ các hoạt động sinh hoạt của con người như ăn uống, tắm giặt, vệ sinh cá nhân...¹²² 	1. Phương pháp đánh giá <p>Thống kê khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, tổ chức.</p>	1. Hồ sơ minh chứng <p>Danh sách cá nhân, tổ chức thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù</p>

¹²¹ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 9 Điều 3).

¹²² Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (khoản 8 Điều 3); Điều 4: “*Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về BVMT khu dân cư nông thôn tập trung và các quy định quản lý hệ thống thoát nước địa phương*”; Điều 23 quy định về xử lý nước thải phi tập trung: “*Việc áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phải đạt được hiệu quả về kinh tế và BVMT, hạn chế được nguồn nước thải gây ô nhiễm và giảm thiểu các tác động trực tiếp của nước thải với môi trường*”.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá
		<p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>(1) Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định¹²³.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư tập trung phải được thu gom, đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải¹²⁴. - Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT trước khi thải vào nguồn tiếp nhận¹²⁵. - Nước thải từ khu dân cư tập trung xả vào nguồn tiếp nhận hoặc công trình thủy lợi phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường¹²⁶. <p>(2) Yêu cầu về thoát nước thải¹²⁷:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo yêu cầu về môi trường. Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên. - Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý. Đối với khu vực miền núi, vùng cao, vùng sâu, 	<p>2. Phương pháp xác định</p> <p>Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp (%) = $\frac{\text{Khối lượng nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp}}{\text{Tổng khối lượng nước thải phát sinh trên địa bàn huyện}} \times 100\%$.</p> <p>hợp, hiệu quả (bao gồm: tên, địa chỉ; khối lượng nước thải phát sinh tính theo ngày đêm; công trình/biện pháp xử lý đã triển khai nếu có).</p>

¹²³ Luật BVMT 2020 (khoản 2 Điều 72).

¹²⁴ Luật BVMT 2020 (điểm a khoản 2 Điều 86).

¹²⁵ Luật BVMT 2020 (khoản 4 Điều 86).

¹²⁶ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (khoản 1, 3, 6 Điều 4).

¹²⁷ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng quy định (Mục 2.16.15) (được ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<p>vùng xa cho phép giảm chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt \geq 60% lượng nước thải phát sinh.</p> <p>- Biện pháp phù hợp bao gồm: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác¹²⁸.</p>		
	7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <p>- “Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn”¹²⁹.</p> <p>- Là làng nghề được công nhận theo quy định¹³⁰.</p> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể</p> <p>- Chất lượng môi trường nước mặt, đất, không khí tại làng nghề đảm bảo không vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng.</p> <p>- Không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường kéo dài trong làng nghề; không có cơ sở sản xuất trong làng nghề có hành vi vi phạm quy định về xả nước thải, thải bụi, khí thải, gây ô nhiễm tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải hoặc chôn, lấp, đổ, thải CTR, CTNH trái quy định về</p>	<p>1. Phương pháp xác định</p> <p>Không có cơ sở sản xuất hoặc làng nghề trong danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài (của Trung ương và cấp tỉnh).</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện, kèm theo số liệu cụ thể).</p> <p>- Các kết quả giám sát, thanh tra/kiểm tra.</p> <p>- Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có).</p>

¹²⁸ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (xử lý nước thải phi tập trung) (khoản 4 Điều 1).

¹²⁹ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 3).

¹³⁰ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn (khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 25); Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 13 Điều 168).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		BVMT, đến mức bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tiếp tục tái phạm và hết thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm vẫn chưa khắc phục được ¹³¹ .		
	7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		
Chất lượng môi trường sống	8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về BVMT	<p>1. Đối tượng/phạm vi</p> <p>“<i>Nước mặt</i>” là nước tồn tại trên bề mặt lục địa hoặc hải đảo, bao gồm sông, suối, kênh, mương, khe, rạch, hồ, ao, đầm¹³².</p> <p>2. Yêu cầu/quy định cụ thể (đối với mô hình)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực nước mặt (ao, hồ) được cải tạo cảnh quan, bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo diện tích mặt nước công cộng, hệ sinh thái nước mặt tự nhiên đáp ứng yêu cầu về mỹ quan, BVMT và không được lấn chiếm, san lấp, sử dụng sai mục đích. - Kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ; không có hiện tượng tồn đọng rác thải dưới kênh mương thoát nước. - Khu vực nước mặt (ao, hồ) ô nhiễm được xác định, khoan 	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>Đánh giá mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) (bằng cảm quan, số liệu minh chứng, hình ảnh minh họa) bảo đảm yêu cầu/quy định cụ thể tại mục 2.</p> <p>Có so sánh trước và sau khi thực hiện mô hình xử lý nước mặt, cải tạo</p>	<p>1. Hồ sơ minh chứng</p> <p>Hình ảnh và tài liệu minh chứng Công trình/mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về BVMT tạo cảnh quan, không gian sinh hoạt cộng đồng trong khu vực dân cư.</p>

¹³¹ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT (khoản 3, 4 Điều 35).

¹³² QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đáp ứng quy chuẩn/tiêu chuẩn theo quy định ¹³³ . - Thực hiện các biện pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường nước mặt (ao, hồ) thành điểm vui chơi, giải trí... tạo cảnh quan, không gian sinh hoạt cộng đồng trong khu vực dân cư.	cảnh quan ao, hồ sinh thái.	
	8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.3 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và chỉ tiêu 8.4 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới - Cảnh quan không gian sáng: Đường xã, liên xã, liên thôn được xây dựng/lắp đặt hệ thống chiếu sáng tối thiểu 70%.		

Ghi chú:

- UBND huyện tự đánh giá mức độ đạt được, có tham khảo và thống nhất với các đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo.
- Sở TN&MT thẩm tra kết quả/báo cáo của UBND huyện.

¹³³ QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Phần VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI ĐẶC THÙ, KHÔNG CÓ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

6.1. Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025¹³⁴

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn
Môi trường	7.1 Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Bộ Tài nguyên và môi trường
	7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥40%	Bộ Tài nguyên và môi trường
	7.3. Tỷ lệ hộ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Bộ Tài nguyên và môi trường
	7.4 Tỷ lệ che phủ rừng (nếu có rừng)	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	
	7.5 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥2m ² /người	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	7.6. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥85%	Bộ Tài nguyên và môi trường

¹³⁴ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn
	7.7. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	Bộ Tài nguyên và môi trường
Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Bộ NNPTNT công bố chỉ tiêu cụ thể	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥80%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan trên địa bàn huyện	Đạt	Bộ Tài nguyên và môi trường
	8.4 Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Bộ Tài nguyên và môi trường
	8.5 Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

6.2. Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu quốc gia về huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 – 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao hướng dẫn

Tên tiêu chí	Nội Dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá
Môi trường	7.1 Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	- Hệ thống thu gom, xử lý CTRSH và CTR không nguy hại thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 7.1 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; - Hệ thống thu gom, xử lý CTR nguy hại bao gồm bao gói thuốc BVTV và CTR y tế thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.7 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.	
	7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 7.2 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới	
	7.3. Tỷ lệ hộ cơ sở sản xuất – kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.2 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới	
	7.6. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.12 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới	
	7.7. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 7.8 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới	
Chất lượng môi trường sống	8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan trên địa bàn huyện	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 8.3 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới	
	8.4 Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 8.4 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới.	

Phần VII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG TRONG TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM ĐÔ THỊ TRONG ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ VĂN MINH

7.1. Bộ tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm đô thị trong đánh giá tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh¹³⁵.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn
Môi trường và an toàn thực phẩm đô thị	1. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường (VSMT) theo quy định;	Đạt	Bộ Tài nguyên và môi trường
	2. Chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định.	Đạt	Bộ Tài nguyên và môi trường
	2.1. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥95%	Bộ Tài nguyên và môi trường
	2.2. Tỷ lệ CTR y tế, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và CTNH được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu	100%	Bộ Tài nguyên và môi trường
	2.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥50%	Bộ Tài nguyên và môi trường
	3. Số hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	100%	Bộ Tài nguyên và môi trường

¹³⁵ Quyết định số04/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

7.2. Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm đô thị trong đánh giá tiêu chí phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá
Môi trường và an toàn thực phẩm đô thị	1. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, hộ dân trên địa bàn đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường (VSMT) theo quy định;	<p>1. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ sản xuất kinh doanh</p> <p>(1) <i>Đối tượng/phạm vi</i></p> <p>Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.2 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới</p> <p>(2) <i>Yêu cầu/quy định cụ thể</i></p> <p>Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.2 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới</p> <p>2. Đối với hộ dân</p> <p>(1) <i>Đối tượng/phạm vi</i></p> <p>Các hộ dân trên địa bàn phường, thị trấn.</p> <p>(2) <i>Yêu cầu/quy định cụ thể</i></p> <p>- <i>Đối với hộ gia đình, cá nhân</i>¹³⁶:</p> <p>+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu việc phát sinh chất thải rắn, nước thải, khí thải, tiếng ồn và độ rung theo quy định;</p>	<p>1. Phương pháp đánh giá</p> <p>- Thống kê số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (yêu cầu bắt buộc đạt 100%); cơ sở sản xuất, kinh doanh không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường (không bao gồm cơ sở sản xuất, kinh doanh trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gồm khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế và trong cụm công nghiệp);</p> <p>- Không thống kê số lượng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cụm công nghiệp (được đưa vào đánh giá ở cấp huyện).</p> <p>1. Hồ sơ minh chứng đối với mục 1</p> <p>Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.2 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới</p> <p>2. Hồ sơ minh chứng đối với mục 2</p> <p>Hồ sơ thống kê các công trình BVMT của các hộ gia đình đã xây dựng.</p>

¹³⁶ Luật BVMT 2020 (Khoản 1 và khoản 2 Điều 60).

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Hướng dẫn đánh giá	
		<ul style="list-style-type: none"> + Chi trả phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định; + Có công trình vệ sinh theo quy định; + Chuồng trại chăn nuôi đảm bảo quy định pháp luật về BVMT. 	2. Phương pháp xác định Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình đảm bảo quy định về VSMT (%) = Số cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình đảm bảo quy định về VSMT/Tổng số cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình trên địa bàn x 100% đạt tỉ lệ 100% (Thống kê số lượng cụ thể)	
	2.1. Tỷ lệ CTR sinh hoạt và CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.7 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		
	2.2. Tỷ lệ CTR y tế, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và CTNH được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.6 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao		
	2.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.4 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao		
	3. Số hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.8 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới		

Phần VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN NỘI DUNG TRONG TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TRONG ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TỈNH ĐẠT CHUẨN ĐÔ THỊ VĂN MINH

7.1. Bộ tiêu chí về môi trường đô thị trong đánh giá tiêu chí quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh¹³⁷.

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan được phân công hướng dẫn
Môi trường và an toàn thực phẩm đô thị	1. Có hệ thống thu gom, phân loại xử lý rác thải trên địa bàn đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường	Đạt	Bộ Tài nguyên và môi trường
	2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn	≥ 90%	Bộ Tài nguyên và môi trường

7.2. Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về môi trường đô thị trong đánh giá tiêu chí quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện/đánh giá
Môi trường và an toàn thực phẩm đô thị	1. Có hệ thống thu gom, phân loại xử lý rác thải trên địa bàn đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường	- Đối với CTRSH và CTR không nguy hại thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 7.1 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; - Đối với CTR nguy hại bao gồm bao gói thuốc BVTV và CTR y tế thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 17.7 thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới;
	2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn	Thực hiện theo hướng dẫn tại chỉ tiêu 7.2 thuộc Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới

¹³⁷ Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy định về tiêu chí, trình tự, thủ tục xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh.

Phần IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ các quy định của Trung ương để cụ thể hóa nội dung thực hiện tiêu chí môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp; quy định mức đạt chuẩn và nâng cao đối với các cấp huyện, xã trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương nhưng không được thấp hơn mức quy định tại Bộ tiêu chí.

b) Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn cụ thể việc thực hiện, đánh giá, thẩm tra mức đạt từng tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn.

c) Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù ở địa phương mình để khuyến khích, ưu đãi các hoạt động BVMT khu vực nông thôn.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã

a) Tổ chức triển khai thực hiện tiêu chí môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới đối với từng cấp độ và mức độ.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức, tuyên truyền, hướng dẫn các cấp chính quyền, cơ sở triển khai thực hiện hoạt động BVMT tại địa phương.

3. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Hướng dẫn, đánh giá, thẩm định mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn.

b) Tổ chức, tuyên truyền, hướng dẫn các cấp chính quyền, cơ sở triển khai thực hiện hoạt động BVMT tại địa phương.

c) Tham mưu, đề xuất, triển khai các mô hình, biện pháp, giải pháp nhằm đạt được các nội dung, tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

d) Tham mưu, kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động BVMT nông thôn trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

đ) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (thông qua Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, địa chỉ: số 10, Tôn Thất Thuyết, Hà Nội) để kịp thời giải đáp, tháo gỡ./.